TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ÂN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21/01/2021
V/v:"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:
+ Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2020, về việc:*"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thực hiện nghĩa vụ trả tiền".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX-HN ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Đặng Thị Ngọc P, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
+ Thái Thị N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt), bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn anh Huỳnh Văn L trình bày:

Vào năm 2005, anh L ở thôn H, xã P kết hôn với chị Đặng Thị Ngọc P ở thôn S, xã N, huyện Hoài Ân, Bình Định, có tổ chức cưới, sau đó chị P chuyển khẩu từ xã N về nhập khẩu xã P sống chung với anh L tại nhà mẹ ruột anh L tên (Huỳnh Thị H) ở thôn H, xã P, huyện Hoài Ân. Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 31/10/2005; Huỳnh Thanh T, sinh ngày 31/3/2009; Huỳnh Nhật Tr, sinh ngày 31/10/2014. Cách đây 03 năm, vợ chồng mâu thuẫn, lý do: Trong làm ăn chăn nuôi heo, bò bị thua lỗ, nợ nhiều nên gây cãi nhau, bất đồng trong tiền bạc, từ đó vợ chồng mất tình cảm. Mâu thuẫn gay gắt là đầu năm 2019 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên gây cãi không thể giải hòa được, nhiều lần chị P đòi ly hôn, nhưng anh L ráng chịu đựng cho các con lớn, nay không thể chịu nổi nên anh L xin ly hôn chị Đặng Thị Ngọc P. Về con chung, anh L chấp nhận như ý kiến của chị P và nguyện vọng của các con. Về tài sản chung: Lúc khởi kiện, anh L xác định 02 con bò cái lớn, 01 con bò cái nghé bằng 03 con bò là tài sản chung của vợ chồng, giá 03 con bò là 45.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi. Nhưng sau đó, chị P đã dắt 03 con bò đi đâu không rõ, nay anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về tiền nợ 45.920.000 đồng mua thức ăn chăn nuôi của bà Thái Thị N ở Thôn H, xã P, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, anh L yêu cầu chia đôi để vợ chồng cùng trả nợ. Theo mẹ anh L (bà H) xác định: Chị P dẫn 03 con chung, bỏ nhà đi từ ngày 15/9/2020 (DL), hiện chị P không có mặt tại địa phương (thôn H, xã P).

- Bên bị đơn, chị Đặng Thị Ngọc P trình bày: Chị Phượng đồng ý với lời khai của anh L về phần kết hôn, sống chung, con chung. Không đồng ý về mâu thuẫn vợ chồng, lý do: Vợ chồng vẫn làm ăn bình thường, 02 năm trước anh L cứ uống say, thường xuyên về kím chuyện gây cãi, đòi ly hôn. Thời gian gần đây thì không uống say nữa, nhưng vẫn cứ gây cãi với chị P, chị P không yêu cầu ly hôn, không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh L. Về tài sản chung, nợ chung như anh L khai là đúng, chị P không có ý kiến gì về con chung, về tài sản chung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Thái Thị N trình bày: Bà N là người cùng thôn H với vợ chồng anh L, chị P. Bà N có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh L, chị P từ năm 2008; hiện nay, vợ chồng anh L còn nợ bà N là 45.920.000 đồng. Nay vợ chồng anh L ly hôn thì bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng L, chị P trả nợ cho bà N số tiền nợ nêu trên, bà N không yêu cầu tính lãi.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, tất cả các đương sự đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

+ Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao các con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, không giải

quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, chia đôi; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Anh Huỳnh Văn L ở Thôn H, xã P, huyện Hoài Ân kết hôn với chị Đặng Thị Ngọc P ở thôn S xã N, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, hai người có đăng ký kết hôn tại xã P vào năm 2005 là hợp pháp. Chị P chuyển khẩu từ xã N về nhập khẩu xã P sống chung với anh L và có 03 con chung tên Huỳnh Hoàng P, Huỳnh Thanh T, Huỳnh Nhật Tr. Thời gian 03 năm gần đây vợ chồng mâu thuẫn về lĩnh vực kinh tế như: Chăn nuôi bị thua lỗ, nợ nhiều nên thường xảy ra gây cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống, từ đó vợ chồng mất tình cảm. Mâu thuẫn gay gắt là đầu năm 2019 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên gây cãi không thể giải hòa được, con chung lớn nhất của (anh L và chị P) biết và cũng có ý kiến: Nếu cha mẹ không sống được với nhau nữa thì ly hôn. Đến nay, anh L xác định không còn tình cảm với chị P nên khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn chị P. Về con chung, anh L chấp nhận như ý kiến của chị P và nguyện vọng của các con chung là ở với mẹ. Về tài sản chung, anh L không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Anh L xác định vợ chồng còn nợ bà Thái Thị N tiền mua thức ăn chăn nuôi là 45.920.000 đồng, anh L yêu cầu chia đôi số nợ để vợ chồng cùng trả nợ. Hiện nay, chị P bỏ nhà, dẫn 03 con chung đi, không có mặt tại địa phương nơi cư trú (Thôn H, xã P).

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81, 61 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 280 của Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; niêm yết công khai, giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn chị Đặng Thị Ngọc P không yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị N có yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, anh Huỳnh Văn L:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế chị P đã bỏ nhà đi, hai người không sống chung với nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, anh L xác định không còn tình cảm với chị P, anh L xin ly hôn chị Đặng Thị Ngọc P là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh L đồng ý giao các con chung cho chị P nuôi dưỡng như theo nguyện vọng của các con chung; anh L không cấp dưỡng nuôi con chung; anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Có đầy đủ chứng cứ xác định vợ chồng anh L, chị P mua thức ăn chăn nuôi của bà Thái Thị N ở thôn H, xã P còn nợ số tiền là 45.920.000 đồng; anh L yêu cầu chia đôi số tiền nợ, mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 22.960.000 đồng là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn, chị Đặng Thị Ngọc P:

- Về hôn nhân: Chị P không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh L, tuy nhiên xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế chị P đã bỏ nhà đi, hai người không sống chung với nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, mặc dù chị P không đồng ý ly hôn, nhưng chị P không có chứng cứ chứng minh hôn nhân giữa hai người còn tồn tại nên ý kiến không ly hôn của chị P là không có cơ sở; Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về con chung: Hiện nay các con chung đều theo ở với chị P, anh L chấp nhận và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử giữ nguyên sự ổn định đó, giao các con chung Huỳnh Hoàng P, Huỳnh Thanh T, Huỳnh Nhật Tr cho chị P nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con chung; anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

- Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh L, chị P còn nợ bà Thái Thị N 45.920.000 đồng, mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 22.960.000 đồng.

Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã thông báo, triệu tập, niêm yết công khai đúng quy định đến (lần thứ 02), nhưng chị P vẫn không có mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định.

[4]. Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Thái Thị N:

- Bà N đã đưa ra chứng cứ chứng minh vợ chồng anh L, chị P mua thức ăn chăn nuôi và hiện còn nợ bà N số tiền 45.920.000 đồng được anh L thừa nhận. Bà N yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L, chị P phải trả nợ khi ly hôn là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn L được ly hôn chị Đặng Thị Ngọc P.

- Về nuôi con chung: Giao các con chung tên Huỳnh Hoàng P, Huỳnh Thanh T, Huỳnh Nhật Tr cho chị P nuôi dưỡng; anh L không cấp dưỡng nuôi con chung; anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L, chị P mỗi người phải trả cho bà Thái Thị N ở thôn H, xã P số tiền 22.960.000 đồng.

- Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên buộc anh L, chị P thực hiện nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc anh Lánh chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Lánh, chị Phượng cùng chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn L được ly hôn chị Đặng Thị Ngọc P.

- Về nuôi con chung: Giao các con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 31/10/2005; Huỳnh Thanh T, sinh ngày 31/3/2009; Huỳnh Nhật Tr, sinh ngày 31/10/2014 cho chị P nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con chung; anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L, chị P mỗi người phải trả cho bà Thái Thị N ở thôn H, xã P số tiền 22.960.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án (bà Thái Thị N) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (anh Huỳnh Văn L, chị Đặng Thị Ngọc P) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn L nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, 1.148.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự, bằng tổng cộng 1.448.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006106 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, cỏn phải nộp 1.148.000 đồng.

- Chị Đặng Thị Ngọc P nộp 1.148.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

- Hoàn trả cho bà Thái Thị N 1.100.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006155 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Luu (HSVA).

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân